

Số: 72 /2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 26 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; Địa chỉ: Số nhà 16, tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh B;

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T; Địa chỉ: Số nhà 16, tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh B;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Ngọc T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Tuấn K - sinh ngày 16/6/2018 đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có sự

thay đổi khác. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/ tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2022;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng thay anh T, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001959 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. Đ;
- Chi cục THADS TP.Đ;
- UBND phường T, TP. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy Thành